

Bản án số: 28 /2019/DS-ST.

Ngày: 28 - 6 - 2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Bà Ngô Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông Hà Văn Phần

- Ông Trần Đăng Kiên.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị K - sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

2. *Bị đơn*: - Chị Phạm Thị L – sinh năm 1974 và anh Vũ Trường G – sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Vũ Trường G là chị Phạm Thị L (Theo giấy ủy quyền đề ngày 27/5/2019 tại UBND xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa).

Đều trú tại: Thôn M, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018 và tại bản tự khai ngày 12/4/2019, nguyên đơn là bà Trịnh Thị K trình bày: Từ giữa năm 2015 đến đầu năm 2017 gia đình bà Trịnh Thị K có ô tô tải nên có nhận chở hàng gỗ đã chế biến cho cho vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G đi nhiều nơi để bán. Những lần chở hàng có chuyên anh G đi theo xe để nhập hàng, có chuyên anh G, chị L cho

địa chỉ để lái xe đến nhập hàng. Trong quá trình hợp đồng nhận chở hàng giữa bà Trịnh Thị K và vợ chồng chị L, anh G chỉ thỏa thuận bằng lời nói, nhưng giữa bà K và vợ chồng chị L, anh G thống nhất tiền công chở hàng cộng dồn đến cuối năm sẽ thanh toán. Đến cuối năm 2016 chị L cộng chót số tiền công chở hàng còn nợ là 109.000.000đồng. Đến đầu năm 2017 bà K nhận chở thêm cho vợ chồng chị L, anh G 01 chuyến hàng, chuyến này anh G đi theo để nhập hàng. Tiền công là 3.200.000đồng. Sau chuyến hàng trên bà K đã đến nhà anh G, chị L để lấy tiền công chở hàng nhưng anh G, chị L khát nợ vì đang khó khăn và chỉ trả cho bà K được 3.000.000đồng. Đến ngày 30 tết năm 2017, bà K đến nhà anh G, chị L để lấy tiền nhưng chị L đã viết giấy khát nợ hẹn đến ngày 25/02/2018(âm lịch) sẽ trả hết số tiền nợ nhưng đến hẹn vợ chồng anh G, chị L vẫn không trả nợ cho bà K. Bà K đã đề nghị ban công an xã Y giải quyết. Ngày 05/7/2018 giữa bà K và chị L đã thống nhất phương thức trả nợ từ tháng 9/2018 trả 10.000.000đồng, từ tháng 10 đến hết tháng 12/2018 sẽ trả từ 30.000.000đồng trở lên và tính đến tháng 12/2018 vợ chồng anh G, chị L sẽ trả hết số tiền công chở hàng cho bà K. Nhưng do vợ chồng anh G, bà L không thực hiện đúng cam kết vì vậy bà K đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh G, chị L thanh toán số tiền công chở hàng cho bà K là 109.200.000đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh trên số tiền cước phí nợ lại tính từ ngày 05/7/2018 theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2019, bị đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Trong hai năm 2016 và năm 2017 vợ chồng anh G, chị L có thuê xe nhà bà Trịnh Thị K(chồng là X) ở thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa chở hàng cho vợ chồng anh G, chị L và số tiền cước còn nợ là 106.000.000đồng. Vì điều kiện gia đình khó khăn nên cho đến nay vợ chồng chị L không trả được tiền cước phí cho bà K. Nay vợ chồng anh G, chị L đồng ý trả cho bà K số tiền cước chở hàng là 106.000.000 đồng và đề nghị bà K cho vợ chồng anh G, chị L được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi trả hết số nợ. Đối với số tiền lãi chậm trả bà K yêu cầu, vợ chồng anh G, chị L không đồng ý vì đây không phải là tiền vay nợ. Đối với số tiền bà K yêu cầu thêm là 3.000.000đồng, do chị L không biết số tiền này nên chị L không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trịnh Thị K yêu cầu vợ chồng anh G, chị L trả số tiền cước vận chuyển hàng hóa còn nợ là 106.000.000 đồng(Một trăm lẻ sáu triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm trả, kể từ ngày 05/7/2018 cho đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G không thanh toán tiền chi phí vận chuyển hàng hóa cho bà Trịnh Thị K số tiền 106.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng bà L và ông G không thanh toán nên bà K khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng chị L và anh G phải trả số tiền phí vận chuyển tài sản là 106.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ ngày 05/7/2018 cho đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định. Chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G đều có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản” và thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về áp dụng điều luật: Giao dịch dân sự giữa bà Trịnh Thị K và vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G được thực hiện xong khi bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

- Căn cứ vào biên bản làm việc tại Ban công an xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa do bà Trịnh Thị K xuất trình thể hiện: Ngày 05/7/2018 giữa bà Trịnh Thị K và chị Phạm Thị L đã thống nhất chốt số tiền vợ chồng chị L, anh G còn nợ bà K là 106.000.000 đồng và thống nhất phương thức thanh toán như sau: Từ tháng 9/2018 trả 10.000.000 đồng, từ tháng 10 đến hết tháng 12/2018 sẽ trả từ 30.000.000 đồng trở lên chậm nhất đến ngày 28/12/2018 trả hết số tiền cước vận chuyển hàng hóa. Chị Phạm Thị L cũng thừa nhận vợ chồng chị L, anh G trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2017 có thuê xe ô tô tải nhà bà K (chồng là X) ở thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa chở hàng cho gia đình chị L, anh G và ngày 05/7/2018 giữa bà Trịnh Thị K và chị Phạm Thị L đã thống nhất số tiền cước xe mà vợ chồng chị L, anh G còn nợ bà K là 106.000.000 đồng. Đến nay vợ chồng chị L, anh G chưa thanh toán cho bà K được đồng tiền cước xe nào. Như vậy xác định giữa bà Trịnh Thị K và vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G đã xác lập hợp đồng vận chuyển tài sản. Do vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, nên buộc vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị K số tiền cước phí còn nợ là 106.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điều 530, điều 536 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bà Trịnh Thị K yêu cầu vợ chồng chị L, anh G phải trả số tiền lãi chậm trả tính từ tháng từ ngày 05/7/2018 đến thời điểm xét xử (ngày 28/6/2019) theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Xét thấy: Ngày 05/7/2018 giữa bà K và vợ chồng chị L, anh G đã thống nhất thỏa thuận phương thức thanh toán tiền cước phí vận chuyển với nhau. Nhưng tính đến nay vợ chồng chị L, anh G chậm thanh toán tiền cước phí vận chuyển cho bà K như đã cam kết vì vậy bà K yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả là có căn cứ, đúng quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự vì vậy được chấp nhận. Lãi suất chậm trả được tính như sau:

$106.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 10.352.300 \text{ đồng}$

- Tổng cộng số tiền cước phí và lãi suất chậm trả được chấp nhận là: 116.352.300 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị K được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Vũ Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 116.352.300 đ $\times 5\% = 5.817.600$ đồng.

Trả lại cho bà Trịnh Thị K số tiền tạm ứng án phí DSST là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 530, Điều 533, Điều 536, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị K.

2. Buộc chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải thanh toán tiền cước phí vận chuyển tài sản cho bà Trịnh Thị K số tiền còn nợ là 106.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 10.352.300 đồng. Tổng cộng là: 116.352.300 đồng (*Một trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Trường G phải nộp 5.817.600 đồng(*Năm triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Trịnh Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.730.000đ (*Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002359 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Tuyết